

Bản án số: 95/2022/HS-ST
Ngày: 16-12-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Vũ Tiến

Thẩm phán: Bà Trương Thị Đào Vi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Chinh

Ông Dương Tuấn Anh

Bà Võ Thị Phương Thảo

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Trần Xuân Phú, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (số 11 Tôn Đức Thắng, phường Phú Hội, thành phố Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 63/2022/TLST-HS ngày 05/10/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 196/2022/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Q (tên gọi khác: Không), giới tính: Nam; sinh ngày: 14/12/1992 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi ĐKKHKT: Thôn A, xã P, huyện V, tỉnh Thừa Thiên Huế; trình độ văn hoá: 09/12; nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn C (đã chết) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1955; gia đình có 06 anh em ruột, bị cáo là con thứ sáu, có vợ Trần Thị Thu X, sinh năm 1996, có một con, sinh năm 2020.

Quá trình nhân thân: Từ nhỏ sống với cha mẹ tại thôn A, xã P, huyện V, Thừa Thiên Huế; học hết lớp 09/12 thì nghỉ học, sau đó học và làm nghề may mặc. Năm 2018, lập gia đình và sống tại thành phố H. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/02/2022 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Ông Trần D, sinh năm 1962. Địa chỉ: Thôn T, xã D, huyện V (nay là thành phố H), tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị D1, sinh năm 1968. Địa chỉ: Thôn T, xã D, huyện V (nay là thành phố H), tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1995. Địa chỉ: thôn L, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

2. Ông Ngô Đức H1, sinh năm 1993. Địa chỉ: Thôn A, xã P, huyện V, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

3. Ông Lê Quang Ph, sinh năm 1996. Địa chỉ: phường Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

4. Ông Nguyễn Thành Q1, sinh năm 1994. Địa chỉ: phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

5. Ông Hà Văn B, sinh năm 1994. Địa chỉ: Khu chung cư H, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

6. Ông Lâm Thành Kh, sinh năm 1985. Địa chỉ: phường N, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

7. Bà Trần Thị Thu X, sinh năm 1996. Địa chỉ: Thôn T, xã D, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

8. Ông Lý Quốc A, sinh năm 1987. Địa chỉ: phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lý Quốc A: Ông Trần Văn H2, sinh năm 1999; địa chỉ thường trú: Thôn X, xã L, huyện Lê Th, tỉnh Quảng Bình; địa chỉ liên hệ: phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (theo Giấy ủy quyền lập ngày 15/12/2022 tại Văn phòng Công chứng Phan Đình V); có mặt.

- *Người làm chứng:*

Ông Trần H3, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn T, xã D, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2018, Nguyễn Văn Q kết hôn với chị Trần Thị Thu X, sinh năm 1996, trú tại thôn T, xã D, huyện V (nay là thành phố H). Do chưa có nhà, nên có một thời gian vợ chồng Q về ở chung nhà với bố mẹ chị X là ông Trần D, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị D1, sinh năm 1968 tại địa chỉ trên. Quá trình sống chung trong nhà, Quyết biết ông D, bà D1 đang tranh chấp đất đai với ông Hồ Văn T về thửa đất tại thôn K, xã T, huyện V (nay là phường T, thành phố H), nhưng vợ chồng ông D không am hiểu pháp luật nên muốn thuê luật sư để khởi kiện. Biết được điều này, trong khi đang cần tiền để sử dụng cá nhân nên Q nảy sinh ý định lừa đảo để chiếm đoạt tiền của vợ chồng ông D. Q đưa ra thông tin gian dối và nói với vợ chồng ông D rằng bản thân có thể liên hệ thuê luật sư khởi kiện đòi quyền sử dụng đất cho ông bà. Khi vợ chồng ông D tin tưởng, đồng ý, Q tìm thông tin trên mạng internet những tài liệu liên quan, rồi chỉnh sửa in ra các văn bản, tài liệu có tên Công ty luật LC địa chỉ tại 416 Dương Quảng H, phường 5, quận G, thành phố Hồ Chí Minh, như: Hợp đồng dịch vụ pháp lý số hiệu 7865119, lập ngày

18/8/2020, mang tên Công ty luật Công tố LC; Biên bản khai trước Tòa án số hiệu 7865119-HĐLC lập ngày 27/8/2020; Thông báo số 7885119 lập ngày 07/9/2020. Ngoài ra Nguyễn Văn Q còn tạo 01 gmail của Công ty tên CL và tài khoản “Trandan.@gmail.com” để chuyển những nội dung do mình soạn thảo từ tài khoản Công ty qua tài khoản của ông D, sau đó đưa cho vợ chồng ông D xem, mục đích để vợ chồng ông D tin là sự thật. Vì muốn được thắng kiện nên ngày 22/8/2020, vợ chồng ông Trần D và bà Nguyễn Thị D1 đồng ý ký vào hợp đồng “Dịch vụ pháp lý” số hiệu 7865119 do Q đưa, trong đó có sẵn chữ ký của đại diện bên A là Nguyễn Thành H (trưởng phòng kế toán) và Đinh Cao Tr (trưởng phòng luật sư) hai chữ ký này do Q tự ký vào. Q yêu cầu ông D, bà D1 ký vào đại diện bên B, và nói ông D chuyển số tiền 7.000.000 đồng vào bộ phận kế toán của công ty, số tài khoản 0110143788, mang tên Nguyễn Thanh H mở tại Ngân hàng Đông Á để bên công ty thụ lý đơn. Thời gian sau, cứ mỗi lần Q cần tiền sử dụng cá nhân, Q lại đưa ra những thông tin gian dối như: *Công ty yêu cầu đưa tiền để họ chạy ra Tòa cho nhanh khi thì nói để chạy ở Phòng tài nguyên môi trường, khi thì nói chạy ở Tòa án; khi thì nói chạy Thẩm phán, chạy giấy tờ thủ tục, khi thì mới Luật sư ở thành phố Hồ Chí Minh ra thụ lý hồ sơ để dễ thắng kiện...* mỗi lần như vậy Q yêu cầu vợ chồng ông Trần D và bà Nguyễn Thị D1 đi chuyển tiền gấp trong ngày vào các tài khoản Ngân hàng do Q cung cấp hoặc đưa tiền cho Q để Q đi chuyển khoản cho Công ty luật. Những tài khoản này là tài khoản của những người bạn, người quen biết ngoài xã hội với Q, trước khi yêu cầu vợ chồng ông D gửi tiền thì Q liên lạc với người dùng tài khoản thông báo số tiền sẽ chuyển và sau đó liên lạc nhờ rút gửi lại cho Q hoặc chuyển vào tài khoản khác. Cụ thể với thủ đoạn trên, trong thời gian từ ngày 22/8/2020 đến ngày 09/9/2021, ông Trần D và bà Nguyễn Thị D1 đã nhiều lần chuyển tiền vào các tài khoản Ngân hàng, gồm:

- Chuyển tiền vào tài khoản mang tên Nguyễn Thanh Huy, số tài khoản 0110143788 mở tại Ngân hàng Đông Á từ ngày 22/8/2020 đến 25/9/2020 tất cả 08 lần với tổng số tiền 84.560.000 đồng, cụ thể: ngày 22/8/2020 chuyển 7.000.000 đồng; ngày 28/8/2020 chuyển 5.000.000 triệu đồng; ngày 02/9/2020 chuyển 10.000.000 đồng; ngày 15/9/2020 chuyển 10.000.000 đồng; ngày 16/9/2020 chuyển 10.000.000 đồng; ngày 17/9/2020 chuyển 20.000.000 đồng; ngày 22/9/2020 chuyển 12.000.000 đồng; ngày 25/9/2020 chuyển 10.560.000 đồng.

Tài khoản này là tài khoản của anh Nguyễn Thanh H, trú tại 51A xóm 2, L Th, Phú Th, thành phố H, anh H đang sử dụng. H là bạn của Q, lợi dụng sự quen biết nên Q nói với H là nhờ tài khoản của H để người quen ở thành phố Hồ Chí Minh chuyển tiền trả nợ cho Q và H đồng ý. Do đó toàn bộ số tiền trên anh H rút và đưa lại hết cho Q. Số tiền này Q đã sử dụng hết vào mục đích cá nhân.

- Chuyển tiền vào tài khoản mang tên Nguyễn Thành Q1, số tài khoản 0161001620828 mở tại Ngân hàng Vietcombank từ ngày 06/9/2020 đến 08/10/2020 tất cả 14 lần với tổng số tiền 156.478.000 đồng, cụ thể: ngày 06/9/2022 chuyển 5.000.000 đồng; ngày 07/9/2020 chuyển 8.736.000 đồng; ngày 13/9/2020 chuyển 15.000.000 đồng, ngày 14/9/2020 chuyển 10.000.000 đồng; ngày 24/9/2020 chuyển 10.900.000 đồng; ngày 26/9/2020 chuyển 10.000.000 đồng; ngày 01/10/2020 chuyển 9.722.000 đồng; ngày 03/10/2020 chuyển 19.650.000 đồng; ngày 07/10/2020 chuyển 5.000.000 triệu đồng; ngày 08/10/2020 chuyển 5.000.000 triệu đồng; ngày 17/11/2020 chuyển 14.500.000 đồng; ngày 18/11/2020 chuyển 13.670.000 đồng; ngày 19/11/2020 chuyển 14.300.000 đồng; ngày 20/11/2020 chuyển 15.000.000 đồng.

Tài khoản trên của anh Nguyễn Thành Q1 ở tại 425 Ch L, phường Phú H, thành phố H, anh Q1 đang sử dụng. Khoảng tháng 9/2020 Nguyễn Văn Q hay đến quán cà phê tại địa chỉ này để xem và cá độ bóng đá do Hà Văn B (sinh năm 1994, trú tại 305E khu chung cư Phú H, thành phố H) thuê làm. Q thỉnh thoảng có ghi tỉ số cá độ bóng đá và hỏi nhờ số tài khoản Ngân hàng của anh B để người quen chuyển tiền. Nhưng B không có tài khoản ngân hàng nên mượn của Nguyễn Thành Q1, Q1 tin tưởng B nên đồng ý, B cũng không hỏi Q nguồn tiền từ đâu mà có. Toàn bộ số tiền trên Q1 rút ra đưa hết cho B, B đưa lại hết cho Q, Q lấy khoản 10.000.000 đồng từ số tiền này trả tiền cá cược bóng đá cho B. Số tiền còn lại Q đã sử dụng hết vào mục đích cá nhân.

- Chuyển tiền vào tài khoản mang tên Ngô Đức H1, số tài khoản 060177193332 mở tại Ngân hàng Sacombank từ ngày 13/11/2020 đến 12/01/2021 tất cả 15 lần với tổng số tiền 486.380.000 đồng, cụ thể: ngày 13/11/2020 chuyển 17.300.000 đồng; ngày 22/11/2020 chuyển 35.300.000 đồng; ngày 23/11/2020 chuyển 35.000.000 đồng, ngày 24/11/2020 chuyển 25.000.000 đồng; ngày 25/11/2020 chuyển lần thứ nhất 5.000.000 đồng, lần thứ hai 25.000.000 đồng; ngày 26/11/2020 chuyển 35.000.000 đồng, ngày 27/11/2020 chuyển 30.000.000 đồng; ngày 28/11/2020 chuyển 33.780.000 đồng; ngày 01/12/2020 chuyển 15.000.000 đồng; ngày 29/12/2020 chuyển 40.000.000 đồng, ngày 03/01/2021 chuyển 30.000.000 đồng; ngày 04/01/2021 chuyển 60.000.000 đồng; ngày 12/01/2021 chuyển lần thứ nhất 58.000.000 đồng, lần thứ hai 42.000.000 đồng.

Tài khoản trên của anh Ngô Đức H1 trú tại 28 kiệt 6 thôn An Dương 2, xã Phú Th, huyện Phú V, anh Hoàng đang sử dụng. H1 là bạn của Q, lợi dụng sự quen biết nên Q nói với H1 nhờ tài khoản để người quen chuyển tiền quyết thắng cá độ bóng đá, vì chỗ bạn bè nên H1 đồng ý. Do đó toàn bộ số tiền trên anh H1 rút và đưa lại cho Q. Số tiền này Q đã sử dụng hết vào mục đích cá nhân.

- Chuyển tiền vào tài khoản mang tên Lâm Thành Kh, số tài khoản 55110000793573 mở tại Ngân hàng BIDV từ ngày 21/11/2020 đến 06/01/2021 tất cả 11 lần với tổng số tiền 606.900.000 đồng, cụ thể: ngày 21/11/2020 chuyển vào 10.000.000 đồng; ngày 30/11/2020 chuyển 25.000.000 đồng; ngày 02/12/2020 chuyển 55.000.000 đồng; ngày 04/12/2020 chuyển 79.400.000 đồng, ngày 05/12/2020 chuyển 100.000.000 đồng, ngày 07/12/2020 chuyển 110.000.000 đồng; ngày 12/12/2020 chuyển 47.500.000 đồng; ngày 18/12/2020 chuyển lần thứ nhất 65.000.000 đồng, lần thứ hai 55.000.000 đồng, ngày 06/01/2021 chuyển lần thứ nhất 50.000.000 đồng, lần thứ hai 10.000.000 đồng.

Tài khoản trên của anh Lâm Thành Kh trú tại 62 Nguyễn Tr, thành phố H, anh Kh đang sử dụng. Trong thời gian này Q hay đến xem bóng đá tại quán cà phê của anh Kh mở ở đường Lâm H, phường V D, nên quen biết nhau. Q nói với Kh là nhờ tài khoản để người quen chuyển tiền đến làm sổ đỏ lô đất mẹ ngoại phía gia đình bên vợ, Kh đồng ý. Do đó toàn bộ số tiền trên anh Kh rút và đưa đưa lại cho Q, Q có lấy một ít để trả nợ tiền thua cá độ bóng đá với Kh, nhưng vì đã lâu nên không ai nhớ rõ số tiền là bao nhiêu. Số tiền còn lại Q đã sử dụng hết vào mục đích cá nhân.

- Chuyển tiền vào tài khoản mang tên Lê Quang Ph, số tài khoản 0161001778676 mở tại Ngân hàng Vietcombank từ ngày 09/6/2021 đến 08/7/2021 tất cả 09 lần với tổng số tiền 115.200.000 đồng, cụ thể: ngày 09/6/2021 chuyển 10.000.000 đồng, ngày 14/6/2021 chuyển lần thứ nhất 5.000.000 đồng, lần thứ hai 13.750.000 đồng; ngày 15/6/2021 chuyển 20.000.000 đồng; ngày 23/6/2021 chuyển lần thứ nhất 10.000.000 đồng, lần thứ hai 10.000.000 đồng; ngày 24/6/2021 chuyển 10.000.000 đồng, ngày 07/7/2021 chuyển 11.950.000 đồng, ngày 08/7/2021 chuyển 24.500.000 đồng.

Tài khoản trên của anh Lê Quang Ph trú tại 06 Nguyễn D Tr, phường X Ph, thành phố H, do anh Ph sử dụng. Cũng như Kh, Q quen Ph do thời gian này hay đến quán cà phê bóng đá của Ph mở tại 62 Đặng H Tr, phường Tr A, thành phố Hu để xem và cá độ bóng đá. Q nói với Ph là nhờ tài khoản để chuyển tiền, Ph có hỏi tiền gì thì Q chỉ trả lời là mượn để người quen chuyển tiền, Ph đồng ý. Mỗi khi có tiền thì Q liên lạc nhờ Ph rút tiền đưa Q hoặc chuyển vào số tài khoản 0030158529999 mang tên Nguyễn Văn Q mở tại Ngân hàng Quân đội (MBbank), Q có sử dụng một ít để trả nợ tiền thua cá độ bóng đá với Ph, nhưng vì đã lâu nên không ai nhớ rõ số tiền là bao nhiêu. Số tiền còn lại Q đã sử dụng hết vào mục đích cá nhân.

Khi ông D và bà D1 không còn khả năng chuyển tiền theo yêu cầu của Q thì Q hướng dẫn vợ chồng ông D đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (thửa đất

45 tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại thôn Dương N T, xã Ph D, thành phố H có diện tích 523m² do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 25/12/2017 cho vợ chồng ông Trần D và bà Nguyễn Thị D1) đến tiệm cầm đồ Q A, địa chỉ 225 Nguyễn S C, thành phố H do ông Lý Quốc A, sinh năm 1987 làm đại diện chủ hộ kinh doanh. Trong số tiền thế chấp 1.050.000.000 đồng thì có khoản tiền cầm cố vào ngày 09/9/2021 anh Lý Quốc A chuyển theo đề nghị của ông Trần D, bà Nguyễn Thị D1 vào số tài khoản 1020304555555 mang tên Trần Thị Thu X mở tại Ngân hàng MBbank số tiền 137.500.000 đồng, vợ chồng ông D đề nghị như vậy là do Nguyễn Văn Q yêu cầu trước đó. Tài khoản này Q mở cho vợ nhưng Quyết là người sử dụng. Quyết đã thực hiện lệnh chuyển tiền qua ứng dụng MBbank trên điện thoại di động của chị X (Q đem theo điện thoại) bằng hình thức internet Banking đến tài khoản 666614129999 mang tên Nguyễn Văn Q mở tại Ngân hàng MBbank toàn bộ số tiền 137.500.000 đồng. Số tiền này Q sử dụng hết vào mục đích cá nhân.

Như vậy tổng số tiền mà Nguyễn Văn Q đã chiếm đoạt của ông Trần D và bà Nguyễn Thị D1 là 1.587.018.000 đồng, Q đã sử dụng hết vào mục đích cá nhân hết. (BL: 200-451)

*Về vật chứng của vụ án, Cơ quan điều tra đã thu giữ các đồ vật, tài liệu như sau:

- 01 (một) điện thoại OPPO, màu đen của anh Trương Quang V, sinh năm 1982, nơi ở Dương N T, Phú D, thành phố H là con rể của ông Trần D tự nguyện giao nộp để phục vụ công tác điều tra;

- 01 (một) điện thoại Iphone 13Pro, số seri WMWPQX1 R9F, Imel 1: 353851660484873, Imel 2: 353851660488395 của anh Nguyễn Thanh H để phục vụ công tác điều tra;

- 01 (một) điện thoại SAMSUNG có Imel 1: 352812104397783/01, Imel 2: 352813104397781/01; 02 (hai) thẻ ATM có in chữ “MB” mang tên “Nguyen Van Quyet” có mã thẻ 4089041000312579 ID 69582605; và “4089041030950026 ID 59029596”, của Nguyễn Văn Q;

- Tài liệu do ông Trần D giao nộp:

- + 35 (ba mươi lăm) phiếu yêu cầu dịch vụ chuyển - nạp tiền (tại các điểm giao dịch của Viettel - MB) từ ngày 22/8/2020 đến 12/01/2021;

- + 06 (sáu) giấy nộp tiền tại Ngân hàng BIDV;

- + 04 (bốn) phiếu nộp tiền mặt tại Ngân hàng Sacombank,

- + 04 (bốn) Lệnh chuyển tiền, giấy nộp tiền Sacombank;

- + 01 (một) giấy nộp tiền tại Ngân hàng Sacombank;
- + 09 (chín) Chứng từ giao dịch giấy nộp tiền tại Ngân hàng Vietcombank;
- + 01 (một) giấy nộp tiền tại Ngân hàng Agribank;
- + 01 (một) phiếu gửi của Viettel post;
- + 01 (một) Hợp đồng dịch vụ pháp lý số hiệu 7865119 ngày 18/8/2020;
- + 01 (một) văn bản thỏa thuận về việc hủy bỏ hợp đồng cho vay tiền ngày 22/7/2021.

Quá trình điều tra, xét thấy việc trả lại tài sản cho người sở hữu hợp pháp không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, do đó: ngày 19/7/2022, Cơ quan điều tra ra Quyết định xử lý tài sản số 12/QĐ-VPCQCSĐT trả lại chiếc điện thoại OPPO màu đen cho anh Trương Quang V; Quyết định xử lý tài sản số 13/QĐ-VPCQCSĐT trả lại điện thoại Iphone 13Pro cho anh Nguyễn Thanh H.

Đồ vật, tài liệu do ông Trần D giao nộp được đưa vào hồ sơ vụ án.

Đối với 01 (một) điện thoại SAMSUNG có Imel 1: 352812104397783/01, Imel 2: 352813104397781/01; 02 (hai) thẻ ATM có in chữ “MB mang tên “Nguyen Van Quyet” có mã thẻ 4089041000312579 ID 69582605; và “4089041030950026 ID 59029596”, của Nguyễn Văn Q tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc giải quyết vụ án.

*Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là ông Trần D và bà Nguyễn Thị D1 có nhận số tiền 300.000.000 đồng từ gia đình bị cáo Nguyễn Văn Q, bị hại yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền còn lại là 1.287.018.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 44/CT-VKS-P2 ngày 04 tháng 10 năm 2022, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Q về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh giữ nguyên quan điểm truy tố như Cáo trạng, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 13 năm 06 tháng tù đến 14 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự, buộc bị cáo bồi thường số tiền 1.287.018.000 đồng cho bị hại. Về vật chứng của vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Q 01 (một) điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG có Imel 1:352812104397783/01, Imel 2:352813104397781/01 nhưng tiếp tục tạm giữ để

đảm bảo thi hành án; đối với 02 thẻ ATM ghi chữ “MB” mang tên Nguyễn Văn Q không sử dụng được đề nghị tiêu hủy.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn Q khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong vụ án này, một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Xét thấy, quá trình điều tra, họ đã có bản tự khai và biên bản lấy lời khai nên việc xét xử vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự để xét xử vắng mặt họ như ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, của bị cáo, bị hại tại phiên tòa.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn Q:

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại và những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, đã có đủ cơ sở để kết luận:

Trong khoảng thời gian từ ngày 22/8/2020 đến ngày 09/9/2021, tại địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, Nguyễn Văn Q đã đưa ra nhiều thông tin và thủ đoạn gian dối đối với vợ chồng ông Trần D, bà Nguyễn Thị D1, nên ông bà tin tưởng giao tiền cho Q làm thủ tục thuê Luật sư khởi kiện ra Tòa án về tranh chấp đòi quyền sử dụng đất với ông Hồ Văn T. Bị hại đã nhiều lần chuyển tiền theo yêu cầu cho Q, tổng số tiền Q đã chiếm đoạt là 1.587.018.000 đồng (Một tỷ năm trăm tám mươi bảy triệu, không trăm mười tám nghìn đồng).

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn Q đã trực tiếp xâm hại nghiêm trọng đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo hộ. Hành vi này của bị cáo đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội danh và hình phạt quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự 2015.

Do đó, Cáo trạng số 44/CT-VKS-P2 ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, thấy rằng:

Bị cáo Nguyễn Văn Q là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi gian dối, lừa đảo của mình nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác để tiêu xài cá nhân là hành vi vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo đã vì lợi ích cá nhân nên đã bất chấp pháp luật để thực hiện hành vi phạm tội. Chỉ trong một thời gian ngắn, bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi lừa đảo, chiếm đoạt tài sản đối với 02 người với số tiền phạm tội rất lớn. Hành vi của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần phải xử lý nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm trừng trị bị cáo, răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, thấy rằng:

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo nhưng chưa ăn năn hối cải. Do đó, cần áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Trong quá trình điều tra, gia đình bị cáo đã khắc phục cho các bị hại ông Trần D và bà Nguyễn Thị D1 số tiền 300.000.000 đồng. Do đó, cần áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “phạm tội 02 lần trở lên” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự 2015.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình giải quyết vụ án, các bị hại là ông Trần D và bà Nguyễn Thị D1 có nhận số tiền 300.000.000 đồng từ gia đình bị cáo Nguyễn Văn Q.

Bị hại yêu cầu bị cáo phải trả số tiền còn lại là 1.287.018.000 đồng.

Xét thấy yêu cầu của các bị hại là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên buộc bị cáo Q phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại.

[7] Về xử lý vật chứng của vụ án: Tuyên xử:

- Đối với vật chứng 01 (một) điện thoại OPPO, màu đen mặt sau có chữ “oppo” màu trắng; số IMEI1:866907032360132, số IMEI2:866907032360124 của anh Trương Quang V, sinh năm 1982, nơi ở Dương N T, Phú D, thành phố H tự nguyện giao nộp để phục vụ công tác điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế đã trả lại cho anh Trương Quang V theo Quyết định xử lý tài sản số 12/QĐ-VPCQCSĐT ngày 19/7/2022 (BL 94) là phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với vật chứng 01 (một) điện thoại Iphone 13Pro, số máy MLR53LL/A; số seri WMWPQX1R9F, IMEI 1 353851660484873, IMEI 2: 353851660488395 của anh Nguyễn Thanh H để phục vụ công tác điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế đã trả lại cho anh Nguyễn Thanh H theo Quyết định xử lý tài sản số 13/QĐ-VPCQCSĐT ngày 19/7/2022 (BL 99) là phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với 01 (một) điện thoại SAMSUNG có Imel 1:352812104397783/01, Imel 2:352813104397781/01 của bị cáo Nguyễn Văn Q, không sử dụng vào mục đích phạm tội nên trả lại cho bị cáo nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án

- Đối với 02 (hai) thẻ ATM có in chữ “MB” mang tên “Nguyen Van Quyet” có mã thẻ 4089041000312579 ID 69582605 và “4089041030950026 ID 59029596” của Nguyễn Văn Q là phương tiện để Q thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Tiếp tục thu để lưu giữ trong hồ sơ vụ án các tài liệu do ông Trần D giao nộp gồm:

+ 35 (ba mươi lăm) phiếu yêu cầu dịch vụ chuyển - nạp tiền (tại các điểm giao dịch của Viettel - MB) từ ngày 22/8/2020 đến 12/01/2021;

+ 06 (sáu) giấy nộp tiền tại Ngân hàng BIDV;

+ 04 (bốn) phiếu nộp tiền mặt tại Ngân hàng Sacombank,

+ 04 (bốn) Lệnh chuyển tiền, giấy nộp tiền Sacombank;

+ 01 (một) giấy nộp tiền tại Ngân hàng Sacombank;

+ 09 (chín) Chứng từ giao dịch giấy nộp tiền tại Ngân hàng Vietcombank;

+ 01 (một) giấy nộp tiền tại Ngân hàng Agribank;

+ 01 (một) phiếu gửi của Viettel post;

+ 01 (một) Hợp đồng dịch vụ pháp lý số hiệu 7865119 ngày 18/8/2020;

+ 01 (một) văn bản thỏa thuận về việc hủy bỏ hợp đồng cho vay tiền ngày

22/7/2021.

[8] Về án phí:

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo luật định.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu trên số tiền còn phải bồi thường là 1.287.018.000 đồng là 36.000.000 đồng + 3% (487.018.000 đồng) = 50.610.540 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

[2] Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Q 14 năm tù (mười bốn năm tù) về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày bắt tạm giam 22/02/2022.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 585 Bộ luật Dân sự 2015, tuyên buộc bị cáo Nguyễn Văn Q phải bồi thường tiếp số tiền là 1.287.018.000 đồng cho các bị hại gồm ông Trần D và bà Nguyễn Thị D1.

[4] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015, tuyên xử:

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Q 01 (một) điện thoại SAMSUNG có Imel 1:352812104397783/01, Imel 2:352813104397781/01 tuy nhiên, cần tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

- Tịch thu tiêu hủy 02 (hai) thẻ ATM có in chữ “MB” mang tên “Nguyen Van Quyet” có mã thẻ 4089041000312579 ID 69582605 và “4089041030950026 ID 59029596” của Nguyễn Văn Q.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 18/10/2022 giữa Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thừa Thiên Huế và Cục THADS tỉnh Thừa Thiên Huế)

- Tiếp tục thu để lưu giữ trong hồ sơ vụ án các tài liệu do ông Trần D giao nộp gồm:

- + 35 (ba mươi lăm) phiếu yêu cầu dịch vụ chuyển - nạp tiền (tại các điểm giao dịch của Viettel - MB) từ ngày 22/8/2020 đến 12/01/2021;

- + 06 (sáu) giấy nộp tiền tại Ngân hàng BIDV;

- + 04 (bốn) phiếu nộp tiền mặt tại Ngân hàng Sacombank,
- + 04 (bốn) Lệnh chuyển tiền, giấy nộp tiền Sacombank;
- + 01 (một) giấy nộp tiền tại Ngân hàng Sacombank;
- + 09 (chín) Chứng từ giao dịch giấy nộp tiền tại Ngân hàng Vietcombank;
- + 01 (một) giấy nộp tiền tại Ngân hàng Agribank;
- + 01 (một) phiếu gửi của Viettel post;
- + 01 (một) Hợp đồng dịch vụ pháp lý số hiệu 7865119 ngày 18/8/2020;
- + 01 (một) văn bản thỏa thuận về việc hủy bỏ hợp đồng cho vay tiền ngày 22/7/2021.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Văn Q phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) và 50.610.540 đồng (Năm mươi triệu sáu trăm mười nghìn năm trăm bốn mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền nên trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án năm 2014; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án sơ thẩm xét xử công khai, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- CQCSĐT CA tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Trại tạm giam CA tỉnh TT Huế;
- Phòng CSTHAHS&HTTP CA tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cục THADS tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu HS; HCTP; KTNV; THS.

Lê Vũ Tiến